

KT3-01126BTP8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/03/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 26/02/2018
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 27/02/2018 - 06/03/2018
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CP ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG
160 Bắc Ái, P. Đô Vinh, Tp. PRTC, Ninh Thuận
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02/02*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

KT. GIÁM ĐỐC/ FOR DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR



Lương Thanh Uyên

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng sacarozơ, g/100 g Sucrose content	Foodstuffs-(p.552)- EC 1994	-	99,9
7.2. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg Sulfur dioxide content	GS 2/1/7-33 (2005) ICUMSA 2007	-	1,9
7.3. Hàm lượng tạp chất, mg/kg Impurities content	GS 2/3/9 - 19 (2007) ICUMSA 2007	-	5,0
7.4. Tổng số nấm men, CFU/10 g Total yeasts	GS 2/3-47 (1998) - ICUMSA 2007	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.5. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g Total moulds	GS 2/3-47 (1998) - ICUMSA 2007	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.6. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/10 g Total aerobic plate count	GS 2/3 - 41 (1998) - ICUMSA 2007	-	1,0 x 10 ²

Ghi chú/Notes: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.